

ĐƠN VỊ:

**NỮ ĐẢM NHIỆM CÁC CHỨC VỤ
LÃNH ĐẠO CHÍNH QUYỀN CẤP ĐỊA PHƯƠNG**

Biểu số 0103b.N/BNV-TCHC

Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-

BNV ngày 06/3/2018

- Chu kỳ báo cáo: Hàng năm

Có đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Tổng số lãnh đạo chính quyền	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	
			Tổng số	Trong đó: Nữ	Tổng số	Trong đó: Nữ	Tổng số	Trong đó: Nữ
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l=(2+4+6)</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
Tổng số	01							
1. Chia theo trình độ học vấn								
Tiểu học	02							
Trung học cơ sở	03							
Trung học phổ thông	04							
Sơ cấp	05							
Trung cấp	06							
Cao đẳng	07							
Đại học	08							
Trên đại học	09							
2. Chia theo dân tộc								
Kinh	10							
Dân tộc thiểu số	11							
3. Chia theo nhóm tuổi								
Từ 30 trở xuống	12							
Từ 31 đến 40 tuổi	13							
Từ 41 đến 50 tuổi	14							
Từ 51 đến 55 tuổi	15							
Từ 56 đến 60 tuổi	16							
Trên 60 tuổi	17							

Người lập biểu
(Ký)

Người kiểm
tra biểu
(Ký)

Ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- Chức vụ lãnh đạo chính quyền cấp tỉnh bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Giám đốc, Phó giám đốc Sở và tương đương.
- Chức vụ lãnh đạo chính quyền cấp huyện bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn
- Chức vụ lãnh đạo chính quyền cấp xã bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã./.